

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *4089*/UBND-TH
Về việc: giao chỉ tiêu giải ngân
vốn đầu tư công năm 2026 các
đơn vị đến hết ngày 31/8/2026

Quảng Trị, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Kính gửi:

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các chủ đầu tư.

Nhờ sự nỗ lực cố gắng và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 của tỉnh Quảng Trị từ tháng 6 đến nay đang cao hơn tỷ lệ giải ngân chung của cả nước. Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân của tỉnh ta đang có phần chững lại trong khi thời gian này là thời gian thuận lợi để đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành cơ bản các hạng mục trước mùa mưa bão, đồng thời các tỉnh cũng đang đẩy mạnh tiến độ giải ngân, nếu chậm lại tỷ lệ giải ngân của tỉnh ta có nguy cơ dưới mức trung bình toàn quốc. Vì vậy, UBND tỉnh giao chỉ tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 cho các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu, các chủ đầu tư trong tháng 8 năm 2026 nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân và duy trì được tỷ lệ giải ngân cao hơn trung bình toàn quốc, cụ thể như sau:

1. Các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu *giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo đến 31/8/2026 đạt tối thiểu 60% kế hoạch vốn năm 2026 (bao gồm vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách tỉnh phân cấp về cho xã).*

2. UBND tỉnh giao nhiệm vụ giải ngân cho các đơn vị theo Phụ lục đính kèm từ nay đến 31/8/2026 để đảm bảo giải ngân đạt tỷ lệ tối thiểu 60%.

Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương đến 31/7/2026 đã đạt tỷ lệ giải ngân cao gần bằng hoặc cao hơn 60% thì cố gắng phấn đấu đạt mức cao hơn (tăng thêm khoảng 5%); đối với các đơn vị chưa đạt tỷ lệ 60% phải đảm bảo đến 31/8/2026 đạt tỷ lệ tối thiểu 60%.

3. Các chủ đầu tư nêu cao trách nhiệm người đứng đầu, khẩn trương chỉ đạo đơn đốc quyết liệt, phân công lãnh đạo cụ thể phụ trách từng dự án để đảm bảo tỷ lệ giải ngân và số vốn cần phải giải ngân đã được phân bổ chỉ tiêu cho các đơn vị.

4. Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tính chính xác của số liệu kế hoạch vốn và số liệu giải ngân đã báo cáo đến 31/7/2026. Giao Sở Tài chính tính toán lại tỷ lệ giải ngân vốn năm 2026 đến hết tháng 8/2026 trên cơ sở số liệu kế hoạch vốn đã giao thực tế và số liệu giải ngân của Kho bạc nhà nước khu vực XII để báo cáo UBND tỉnh giao chỉ tiêu giải ngân các tháng tiếp theo.

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu, các chủ đầu tư nghiêm túc triển khai thực hiện./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, CTXD, NNMT, KGVX, TH, TDNV.



Lê Hồng Vinh

Phụ lục: PHÂN BỐ CHỈ TIÊU GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CÁC ĐƠN VỊ ĐẾN 31/8/2026

(Kèm theo Văn bản số **19089** UBND-TH ngày **19/8/2026** của UBND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	KH vốn 2026 (đến 31/7/2026)	Tổng số giải ngân đến 31/7/2026	Tỷ lệ giải ngân đến 31/7/2026 (%)	Chỉ tiêu vốn giải ngân phân bổ thêm đến 31/8/2026	Tỷ lệ giải ngân mục tiêu đến 31/8/2026	Ghi chú
	Tổng số	5.025.320	2.285.176	45,47	858.241		
I	SỞ NGÀNH						
1	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1.148.982	527.907	45,9	161.482	60	
2	Sở Xây dựng	354.811	211.787	59,7	1.099	60	
3	Sở Y tế	147.255	92.926	63,1	7.207	68	
4	Sở Tài chính (bao gồm Ban QLDA)	146.200	58.942	47,5	28.778	60	
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường (bao gồm Ban QLDA ngành NN)	39.060	2.740	7,0	20.695	60	
6	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	50.004	20.894	41,8	9.108	60	
7	Sở Khoa học và công nghệ	86	-	-	56	65	
8	Sở Nội vụ	255	-	-	153	60	
9	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới	35.000	12.403	35,4	8.597	60	
10	Công an tỉnh	34.500	24.151	70,0	1.724	75	
11	BQL Khu kinh tế	44.100	11.824	37,4	14.636	60	
12	Ban CHBĐBP tỉnh	26.583	5.788	21,8	10.162	60	
13	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	14.299	9.370	65,5	640	70	Phấn đấu
14	Ban QLDA Cải thiện thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì nông thôn hoà bình tỉnh	8.752	-	-	5.251	60	
15	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	8.500	-	-	5.100	60	
16	Trường chuyên Võ Nguyên Giáp	9.000	5.000	55,6	400	60	
17	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị	2.408	2.234	92,8	174	100	Phấn đấu
18	Bệnh viện ĐK Khu vực Minh Hoá	8.586	4.069	47,4	1.083	60	
19	BQLDA BDKH TP Đồng Hới	5.000	-	-	3.000	60	
20	Trung tâm công tác xã hội Bắc Quảng Trị	31	-	-	19	60	
II	ĐỊA PHƯƠNG						
1	UBND phường Đông Hà	406.187	121.767	30,0	121.946	60	
-	BQLDA phường Đông Hà	103.047	30.953	33,5	30.875	60	
-	Trung tâm PTQĐ phường Đông Hà	1.232	-	-	739	60	
-	TT DVCI phường Đông Hà	2.500	-	-	1.500	60	
2	UBND xã Gio Linh	8.424	2.650	31,5	2.405	60	
-	Ban Gio Linh	167.195	78.699	61,9	33.322	67	
3	UBND phường Ba Đồn	69.201	41.632	69,2	9.577	74	Phấn đấu
-	BQLDA ĐTXD và PTQĐ phường Ba Đồn	94.270	54.266	57,6	5.124	63	
4	UBND xã Diên Sanh	19.805	1.160	5,9	10.723	60	
-	Ban QLDA xã Diên Sanh	107.903	8.079	7,5	56.663	60	
5	UBND xã Minh Hoá	16.650	7.931	47,6	2.059	60	
-	BQLDA xã Minh Hoá	46.879	27.974	59,7	2.498	65	
6	UBND xã Quảng Trạch	31.707	18.375	58,0	1.600	63	
-	BQLDA ODA Quảng Trạch	83.000	59.156	71,3	3.924	76	Phấn đấu
-	Trung tâm dịch vụ TH Quảng Trạch	500	-	-	300	60	
7	UBND xã Bố Trạch	38.553	21.640	56,1	1.492	60	
8	UBND xã Tuyên Hoá	31.173	12.873	41,3	5.831	60	
9	Xã Cam Lộ	26.332	2.117	8,0	13.682	60	



TT	Đơn vị	KH vốn 2026 (đến 31/7/2026)	Tổng số giải ngân đến 31/7/2026	Tỷ lệ giải ngân đến 31/7/2026 (%)	Chi tiêu vốn giải ngân phân bổ thêm đến 31/8/2026	Tỷ lệ giải ngân mục tiêu đến 31/8/2026	Ghi chú
-	Ban QLDA xã Cam Lộ	45.297	8.820	19,5	18.358	60	
10	UBND phường Đồng Hới	191.996	55.487	28,9	59.711	60	
-	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới	32.600	24.760	76,0	1.646	81	Phấn đấu
15	UBND xã Triệu Phong	5.030	2.777	55,2	241	60	
-	Ban QLDA xã Triệu Phong	16.242	4.391	27,0	5.354	60	
16	Xã Lệ Thủy (gồm Ban A Lệ Thủy)	55.692	28.982	52,0	4.433	60	
11	UBND xã Tân Gianh	42.447	24.363	57,4	1.105	60	
12	UBND xã Phú Trạch	52.328	29.518	56,4	1.879	60	
13	UBND xã Cửa Việt	28.050	18.157	64,7	1.198	69	
14	UBND xã Đồng Lê (bao gồm Ban QLDA Tuyên Hoá)	54.210	31.921	58,9	2.774	64	
17	Xã Khe Sanh	8.994	1.216	13,5	4.180	60	
-	Ban QLDA Khe Sanh	14.000	8.420	60,1	680	65	
18	UBND xã Quảng Ninh	79.267	46.458	58,6	4.273	64	
-	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Quảng Ninh	8.500	5.786	68,1	419	73	Phấn đấu
19	UBND phường Bắc Gianh	64.841	28.008	43,2	10.897	60	
20	UBND xã Hướng Phùng	14.412	2.763	19,2	5.884	60	
21	UBND xã Hoà Trạch	25.048	15.265	60,9	1.016	65	
22	UBND xã Nam Ba Đồn	42.492	29.633	69,7	2.236	75	Phấn đấu
23	UBND xã Lệ Ninh	20.315	13.093	64,4	924	69	
24	UBND xã Nam Gianh	34.128	23.214	68,0	1.699	73	Phấn đấu
25	UBND xã Phong Nha	28.541	16.613	58,2	1.368	63	
26	UBND xã Ninh Châu	43.866	17.704	40,4	8.616	60	
27	UBND xã Tân Mỹ	14.786	10.979	74,3	702	79	Phấn đấu
28	UBND xã Trung Thuần	31.487	19.766	62,8	1.645	68	
29	UBND xã Trường Ninh	24.684	12.037	48,8	2.773	60	
30	UBND xã Tân Thành	14.283	11.354	79,5	787	85	
31	UBND xã Tuyên Lâm	15.010	6.168	41,1	2.838	60	
32	UBND xã Trường Sơn	13.534	8.798	65,0	676	70	Phấn đấu
33	UBND xã Vĩnh Hoàng	5.504	3.282	59,6	296	65	
34	UBND xã Hoàn Lão	46.505	19.693	42,3	8.210	60	
35	BQLDA ĐTXD và PTQĐ Bố Trạch	40.521	27.275	67,3	1.900	72	Phấn đấu
35	Xã Tuyên Bình	4.032	2.758	68,4	186	73	Phấn đấu
36	Xã Cửa Tùng	19.774	2.139,149	10,8	9.725	60	
37	Xã Cồn Tiên	11.334	2.874	25,4	3.926	60	
38	Xã Vĩnh Thủy	7.869	2.918	37,1	1.803	60	
39	Xã Bến Hải	5.060	3.105	61,4	235	66	
40	Xã Vĩnh Định	4.360	2.300	52,7	316	60	
41	Xã Hướng Lập	3.346	1.306,72	39,1	701	60	
42	Xã Bến Quan	2.931	2.148	73,3	139	78	Phấn đấu
43	Xã Tân Lập	2.872	1.715	59,7	8	60	
44	Phường Đồng Thuận	141.955	38.200	26,9	46.973	60	
45	Phường Nam Đông Hà	49.791	10.023	20,1	19.852	60	
46	Phường Đồng Sơn	24.893	10.128	40,7	4.808	60	
47	Xã Vĩnh Linh	19.564	3.952,36	20,2	7.786	60	
48	Ban QLDA xã Vĩnh Linh	1.050	272,31	25,9	358	60	
48	Xã Cam Hồng	22.803	15.942	69,9	1.160	75	Phấn đấu
49	Xã Đông Trạch	22.622	13.004	57,5	569	60	
50	Xã Bắc Trạch	22.104	10.655	48,2	2.607	60	
51	Phường Quảng Trị	37.988	18.720	49,3	4.073	60	
52	Xã Hiếu Giang	16.650	8.102	48,7	1.888	60	
53	Xã Nam Trạch	30.329	18.458	60,9	1.559	66	
54	Xã Sen Ngư	10.713	6.436	60,1	528	65	
55	Xã Hải Lăng	7.800	4.706	60,3	364	65	

TT	Đơn vị	KH vốn 2026 (đến 31/7/2026)	Tổng số giải ngân đến 31/7/2026	Tỷ lệ giải ngân đến 31/7/2026 (%)	Chỉ tiêu vốn giải ngân phân bổ thêm đến 31/8/2026	Tỷ lệ giải ngân mục tiêu đến 31/8/2026	Ghi chú
56	Xã Nam Cửa Việt	7.398	3.306	44,7	1.133	60	
57	Xã Triệu Cơ	7.306	4.352	59,6	397	65	
58	Xã Ái Tử	7.259	4.210	58,0	363	63	
59	Xã Trường Phú	6.871	4.126	60,0	341	65	
60	Xã Lao Bảo	5.801	2.556	44,1	924	60	
61	Xã Dân Hóa	5.210	2.936	56,4	190	60	
62	Xã Hướng Hiệp	4.912	4.584	93,3	230	98	Phấn đấu
-	Ban QLDA xã Hướng Hiệp	987	563	57,0	49	62	
63	Xã Tuyên Phú	4.439	4.033	90,9	184	95	
64	Xã Kim Phú	3.881	3.857	99,4	24	100	Phấn đấu
65	Xã Mỹ Thủy	3.850	2.207	57,3	180	62	Phấn đấu
66	Xã Triệu Bình	3.719	3.132	84,2	178	89	Phấn đấu
67	Xã Thượng Trạch	3.688	2.342	63,5	166	68	Phấn đấu
68	Xã Đakrông	3.669	3.459	94,3	210	100	Phấn đấu
69	Xã Kim Ngân	3.508	2.376	67,7	150	72	Phấn đấu
70	Xã Tà Rụt	3.484	2.012	57,8	252	65	
71	Xã Ba Lòng	3.436	3.093	90,0	171	95	Phấn đấu
72	Xã A Dơi	3.426	2.120	61,9	175	67	
73	Xã La Lay	3.408	2.035	59,7	180	65	
74	Xã Lìa	3.387	2.763	81,6	150	86	Phấn đấu
75	Xã Nam Hải Lăng	3.361	2.404	71,5	150	76	Phấn đấu
76	Xã Tuyên Sơn	3.086	2.169	70,3	146	75	Phấn đấu
77	Xã Kim Điện	3.260	2.778	85,2	156	90	Phấn đấu
78	Đặc khu Cồn Cỏ	3.554	1.895	53,3	237	60	